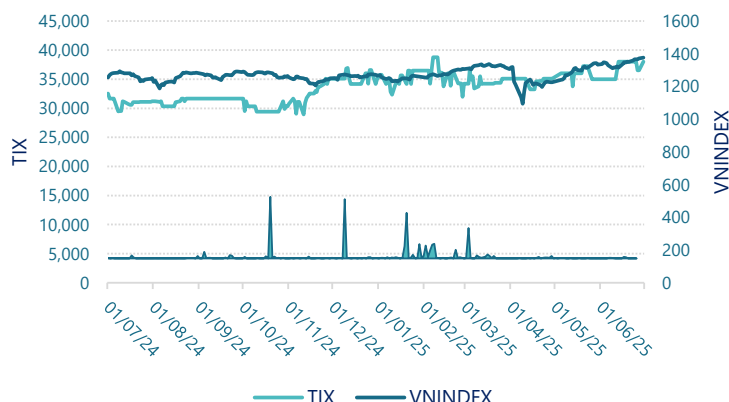


CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (HSX: TIX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	38,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,942
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,140
P/E	9.4
EPS	4,024

DT thuần

Q2/25

73.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0 | 27.8%

YoY: ▲ 17.2 | 30.6%

LN sau thuế

Q2/25

38.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.9 | 44.1%

YoY: ▲ 16.7 | 75.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

65.4%

+/- YoY: ▲ 18.2%

DT thuần

6T 2025

131

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0 | 20.4%

LN sau thuế

6T 2025

66.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0 | 26.8%

ROE

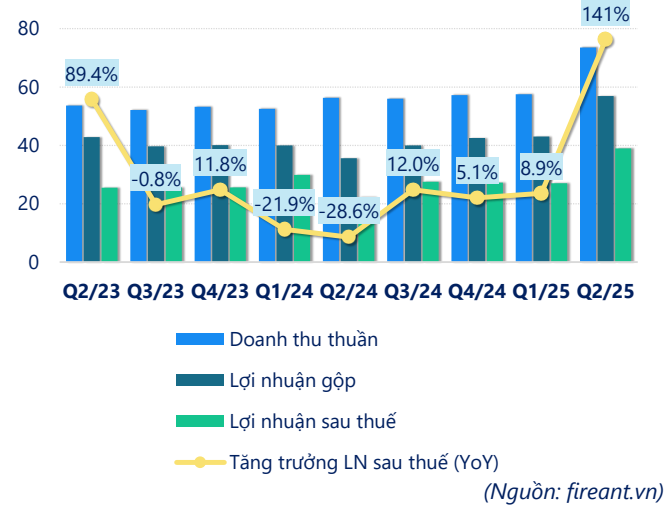
Q2/25

14.7%

+/- YoY: ▲ 2.0%

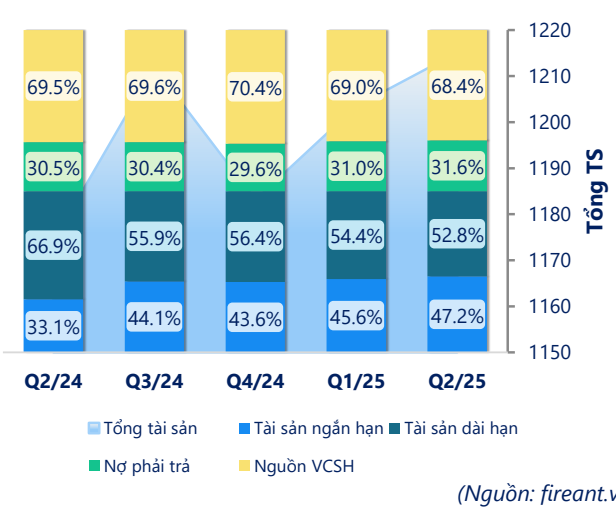
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

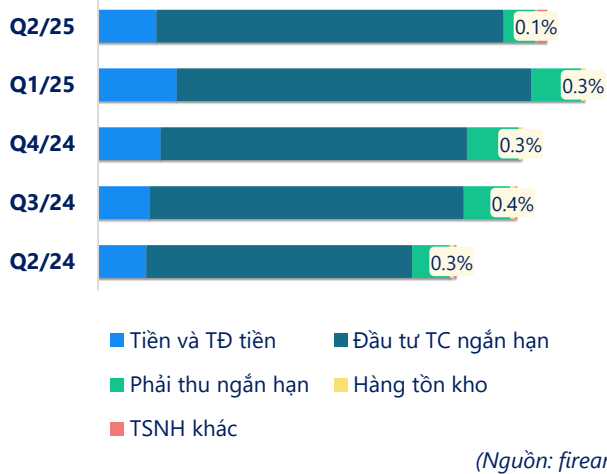


Cơ cấu Tổng tài sản

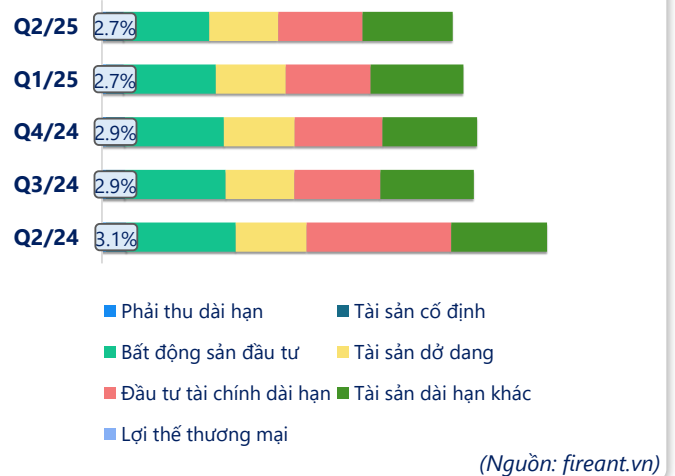
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

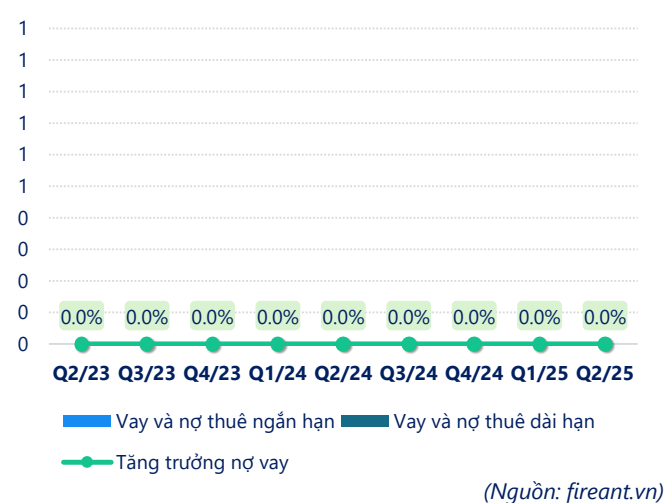


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



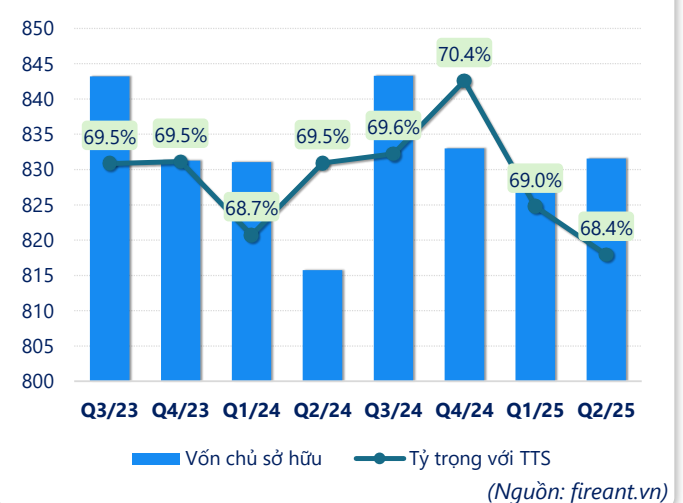
tỷ VNĐ

Nợ vay



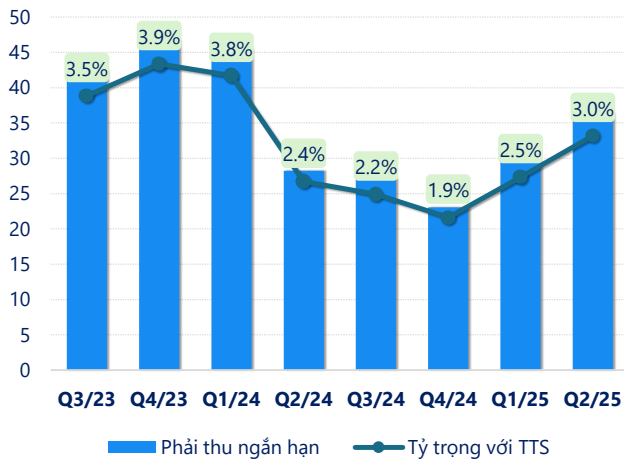
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



tỷ VNĐ

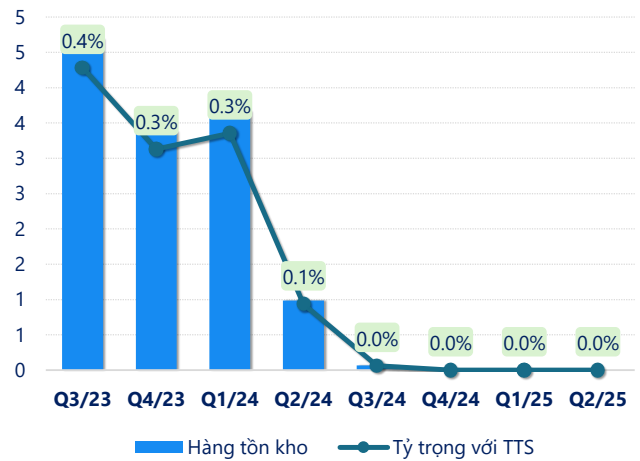
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

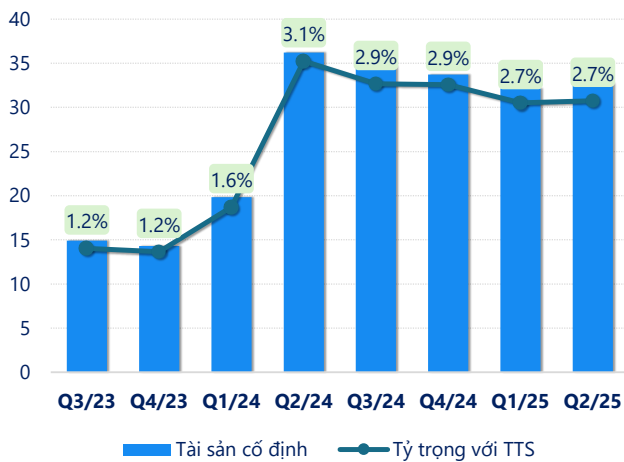
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

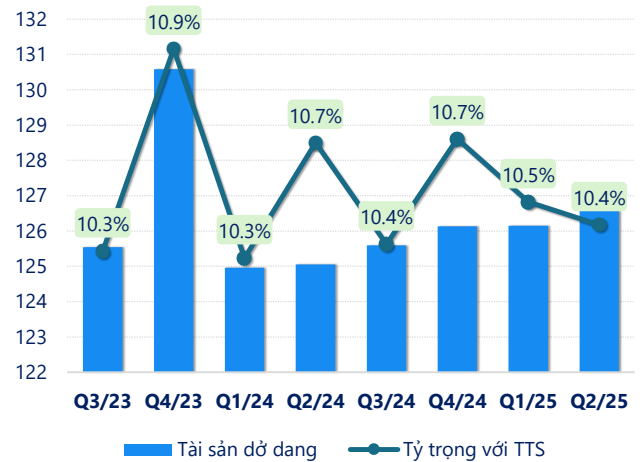
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

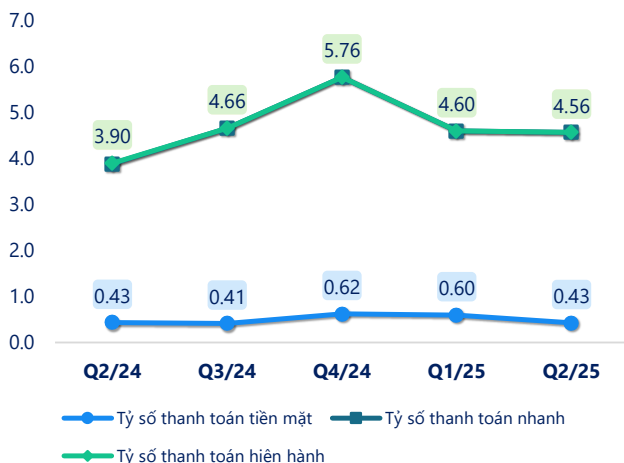
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



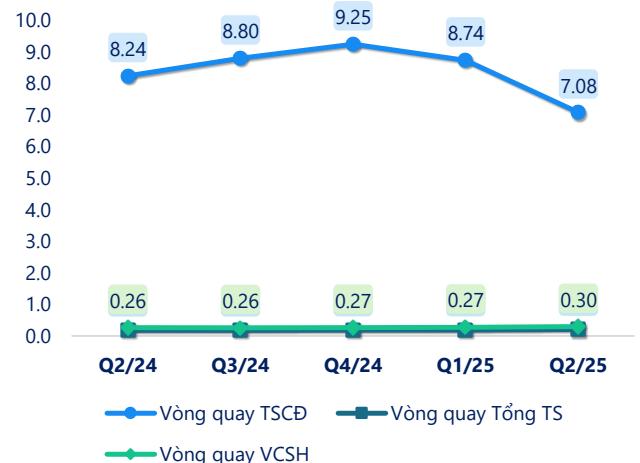
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,174	1,212	1,183	1,203	1,215
Tài sản ngắn hạn	388	534	516	549	574
Tiền và tương đương tiền	42.8	47.4	55.7	71.2	53.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	307	455	437	448	475
Phải thu ngắn hạn	28.2	27.1	23.0	29.6	36.3
Hàng tồn kho	0.99	0.07	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	9.52	4.42	0.11	0.08	8.82
Tài sản dài hạn	786	678	668	655	641
Phải thu dài hạn	7.28	7.28	7.28	7.28	7.28
Tài sản cố định	36.2	34.6	33.7	32.1	32.7
Bất động sản đầu tư	193	183	176	167	156
Tài sản dở dang	125	126	126	126	127
Đầu tư tài chính dài hạn	256	156	156	154	154
Tài sản dài hạn khác	169	170	168	168	165
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	358	369	350	373	384
Nợ ngắn hạn	99.6	115	89.4	119	126
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	3.07	2.46	2.69	2.66	1.76
Nợ dài hạn	259	254	261	254	258
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	816	843	833	830	832
Vốn chủ sở hữu	816	843	833	830	832
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)